



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*QUÝ II NĂM 2020*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>373,082,638,254</b>	<b>393,168,044,582</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>17,685,158,244</b>	<b>24,391,147,528</b>
1. Tiền	111		17,685,158,244	24,391,147,528
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>29,736,402,041</b>	<b>29,736,402,041</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	29,736,402,041	29,736,402,041
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>196,047,672,752</b>	<b>261,671,043,435</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	161,614,073,240	224,860,756,692
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3,143,518,669	599,594,109
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	8,785,000,000	12,670,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	23,069,389,068	24,105,000,859
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(564,308,225)	(564,308,225)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.8</b>	<b>122,499,128,372</b>	<b>68,107,411,701</b>
1. Hàng tồn kho	141		122,499,128,372	68,107,411,701
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7,114,276,845</b>	<b>9,262,039,877</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2,166,639,740	2,681,759,524
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,936,172,921	6,562,129,207
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	11,464,184	18,151,146
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>104,466,580,551</b>	<b>93,985,382,947</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>69,320,297,911</b>	<b>52,874,293,495</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	61,680,000,000	47,680,000,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	7,640,297,911	5,194,293,495
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25,145,455,659</b>	<b>28,846,387,172</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22,428,437,133	26,031,468,650
- Nguyên giá	222		77,352,039,791	81,116,622,627
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54,923,602,658)	(55,085,153,977)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	2,711,701,855	2,806,701,853
- Nguyên giá	225		2,850,000,000	2,850,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(138,298,145)	(43,298,147)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	5,316,671	8,216,669
- Nguyên giá	228		360,430,800	360,430,800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(355,114,129)	(352,214,131)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>468,057,904</b>	<b>18,186,288</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	468,057,904	18,186,288
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>5,444,707,137</b>	<b>7,780,443,146</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	5,444,707,137	7,780,443,146
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,088,061,940</b>	<b>4,466,072,846</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	4,088,061,940	4,436,804,707
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.14	-	29,268,139
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>477,549,218,805</b>	<b>487,153,427,529</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>275,509,786,916</b>	<b>278,813,641,763</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>269,888,884,464</b>	<b>273,090,375,001</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	56,104,941,556	43,840,661,992
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		355,782,509	272,581,538
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	1,026,353,328	4,286,294,280
4. Phải trả người lao động	314	V.17	7,612,348,367	9,828,087,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	5,894,985,793	4,136,686,241
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	3,449,170,064	805,158,255
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	195,327,038,248	209,920,905,695
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		118,264,599	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5,620,902,452</b>	<b>5,723,266,762</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1,535,333,320	2,095,083,332
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21	4,085,569,132	3,628,183,430
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>202,039,431,889</b>	<b>208,339,785,766</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>202,039,431,889</b>	<b>208,339,785,766</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	168,299,940,000	168,299,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168,299,940,000	168,299,940,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	17,173,652,728	17,173,652,728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	16,516,340,773	22,589,780,841
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22,262,822,276	22,589,780,841
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(5,746,481,503)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	49,498,388	276,412,197
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>477,549,218,805</b>	<b>487,153,427,529</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2020


Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Người lập

Lê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởngTrương Văn Quang  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**QUÝ II NĂM 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Lũy kế năm 2020	Lũy kế năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	107,366,856,354	91,349,412,345	187,483,935,643	162,964,850,526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	49,553,206	9,431,659	54,648,021	32,143,601
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch	10		107,317,303,148	91,339,980,686	187,429,287,622	162,932,706,925
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	93,219,678,270	75,375,694,743	163,376,089,075	139,699,871,441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14,097,624,878	15,964,285,943	24,053,198,547	23,232,835,484
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	2,229,142,440	486,320,808	5,693,575,152	1,489,390,376
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2,971,164,149	4,542,601,445	6,296,608,419	8,778,294,780
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,116,312,348	4,069,223,339	4,632,973,990	8,055,078,039
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên k	24		(339,725,925)	-	(2,335,736,009)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4,666,991,461	3,449,770,901	8,251,756,833	6,878,249,590
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9,035,285,359	10,434,115,283	18,227,012,187	19,810,478,122
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(686,399,576)	(1,975,880,878)	(5,364,339,749)	(10,744,796,632)
12. Thu nhập khác	31		86,053,864	36,527,057	103,769,298	64,922,070
13. Chi phí khác	32	VI.8	100,706	(275,172,318)	87,439,159	353,033,539
14. Lợi nhuận khác	40		85,953,158	311,699,375	16,330,139	(288,111,469)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(600,446,418)	(1,664,181,503)	(5,348,009,610)	(11,032,908,101)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	393,400,124	-	393,400,124
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	457,385,702	2,151,626,498	457,385,702	2,158,943,533
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1,057,832,120)	(4,209,208,125)	(5,805,395,312)	(13,585,251,758)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(947,891,207)	(3,256,927,326)	(5,578,481,503)	(10,962,631,909)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(109,940,913)	(952,280,799)	(226,913,809)	(2,622,619,849)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(61)	(200)	(341)	(671)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(61)	(200)	(341)	(671)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2020

Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Người lậpLê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởngTrương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(5,348,009,610)	(11,032,908,101)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	2,338,144,810	5,765,635,151
- Các khoản dự phòng	03	V.7, VI.3	-	674,580,995
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(43,145,920)	172,424,868
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(3,958,370,936)	(603,763,854)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	4,663,475,260	8,055,078,039
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2,347,906,396)	3,031,047,098
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		70,685,969,934	20,552,632,370
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(54,391,716,671)	(49,802,529,678)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10,303,936,980	4,286,763,562
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		947,209,414	(1,428,844,860)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19a, VI.5	(4,418,693,260)	(7,966,412,039)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(3,050,000,000)	(3,079,113,481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	172,741,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20,000,000)	(524,688,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>17,708,800,001</b>	<b>(34,758,404,028)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.12,	(1,533,274,388)	(3,222,658,004)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	-	300,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(11,800,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,685,000,000	625,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	I.5a	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	905,253,936	637,411,729
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10,743,020,452)</b>	<b>(1,660,246,275)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	218,792,792,469	207,252,060,357
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(232,015,955,554)	(190,582,301,432)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(365,750,004)	(85,213,336)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a, V.22	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(13,588,913,089)</b>	<b>16,584,545,589</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(6,623,133,540)</b>	<b>(19,834,104,714)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>24,391,147,528</b>	<b>36,776,705,972</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(82,855,744)</b>	<b>20,904,237</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>17,685,158,244</b>	<b>16,963,505,495</b>



Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Người lập



Lê Thị Tường Hạng  
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2020

  
 Trương Văn Quang  
 Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
QUÝ II NĂM 2020

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2020

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản; Gia công, đóng gói bao bì: Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 5a. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán buôn thực phẩm	75%	75%	75%	75%

#### 5b. Danh sách công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Lô D4, Đường N1, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	45%	45%	45%	55%

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 501 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 653 nhân viên).



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con. Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ,



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

## 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

## 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc, thiết bị là 10 năm.

### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có Chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 đến 07 năm.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### 20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	133.931.435	119.348.675
Tiền gửi ngân hàng	17.551.226.809	24.271.798.853
<b>Cộng</b>	<b>17.685.158.244</b>	<b>24.391.147.528</b>

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	29.736.402.041	29.736.402.041	29.736.402.041	29.736.402.041
<b>Cộng</b>	<b>29.736.402.041</b>	<b>29.736.402.041</b>	<b>29.736.402.041</b>	<b>29.736.402.041</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 và Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.19).

#### 2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	27.000.000.000	27.000.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(21.555.292.863)	(19.219.556.854)
<b>Cộng</b>	<b>5.444.707.137</b>	<b>7.780.443.146</b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên kết như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	7.780.443.146
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	(2.335.736.009)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.444.707.137</b>

*Tình hình hoạt động của công ty liên kết*

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bị lỗ.

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.235.259.122</i>	<i>2.046.878.671</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	1.235.259.122	2.046.878.671
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>160.378.814.118</i>	<i>222.813.878.021</i>
Trangs Group USA Incorporated	43.792.713.947	54.951.271.581
Trangs Food Pty Ltd	18.995.476.419	33.811.020.497
Trangs UK Limited	76.337.293.567	109.314.805.250
Các khách hàng khác	21.253.330.185	24.736.780.693
<b>Cộng</b>	<b>161.614.073.240</b>	<b>224.860.756.692</b>

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	354.338.512	1.298.000
Công ty TNHH Thông Thuận	2.004.343.155	-
Các nhà cung cấp khác	784.837.002	598.296.109
<b>Cộng</b>	<b>3.143.518.669</b>	<b>599.594.109</b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

##### 5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>8.300.000.000</i>	<i>10.500.000.000</i>
Cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary vay	8.300.000.000	10.500.000.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>485.000.000</i>	<i>2.170.000.000</i>
Cho Bà Võ Thị Mỹ vay	485.000.000	2.170.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.785.000.000</b>	<b>12.670.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**5b. Phải thu về cho vay dài hạn**

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 8%-12%/năm, thời hạn vay 02 năm.

**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>3.602.097.000</b>	-	<b>13.423.031.000</b>	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary -				
Lãi cho vay	1.182.097.000	-	573.031.000	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary -				
Cho mượn	420.000.000	-	850.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu – Phải				
thu tiền chuyển nhượng vốn góp				
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	2.000.000.000	-	12.000.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân</b>	<b>19.467.292.068</b>		<b>10.681.969.859</b>	-
khác				
Tạm ứng	2.003.790.005	-	1.287.407.005	-
Lãi cho vay	680.737.500	-	680.737.500	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	16.782.764.563	-	8.713.825.354	-
<b>Cộng</b>	<b>23.069.389.068</b>	-	<b>24.105.000.859</b>	-

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>7.152.847.614</b>	-	<b>4.708.796.614</b>	-
Công ty TNHH Thực phẩm Dary -				
Lãi cho vay	7.152.847.614	-	4.708.796.614	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân</b>	<b>487.450.297</b>	-	<b>485.496.881</b>	-
khác				
Các khoản phải thu dài hạn khác	487.450.297	-	485.496.881	-
<b>Cộng</b>	<b>7.640.297.911</b>	-	<b>5.194.293.495</b>	-

**7. Nợ khó thu hồi**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại	Từ 01 năm đến			Từ 06 tháng đến		
Dịch vụ Đầu tư Lam Chi -	dưới 02 năm			dưới 01 năm		
Phải thu tiền bán hàng		109.504.728	54.752.364		109.504.728	54.752.364
Công ty TNHH MTV Thương	Từ 01 năm đến			Từ 06 tháng đến		
mại Xuất nhập khẩu Song	dưới 02 năm			dưới 01 năm		
Thịnh Phát - Phải thu tiền bán						
hàng		108.142.460	54.071.230		108.142.460	54.071.230
Phải thu các tổ chức và cá	Từ 01 năm đến			Từ 01 năm đến		
nhân khác	trên 03 năm	709.022.700	253.538.084	trên 03 năm	709.022.700	253.538.084
<b>Cộng</b>		<b>926.669.888</b>	<b>362.361.678</b>		<b>926.669.888</b>	<b>362.361.678</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	564.308.210	100.973.266
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>564.308.210</b>	<b>100.973.266</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	72.873.269.194	-	51.293.684.159	-
Công cụ, dụng cụ	1.021.132.326	-	1.052.855.900	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.238.569.074	-	5.150.797.594	-
Thành phẩm	20.307.607.288	-	10.412.801.587	-
Hàng hóa	302.139.281	-	197.272.461	-
Hàng gửi đi bán	2.756.411.210	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>122.499.128.372</b>	<b>-</b>	<b>68.107.411.701</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	758.302.193	1.132.433.685
Chi phí sửa chữa	316.937.582	453.665.173
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.091.399.965	1.095.660.666
<b>Cộng</b>	<b>2.166.639.740</b>	<b>2.681.759.524</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	405.002.687	499.501.905
Chi phí sửa chữa	71.642.489	257.457.461
Tiền thuê đất	3.548.910.514	3.610.433.122
Các chi phí trả trước dài hạn khác	62.506.250	69.412.219
<b>Cộng</b>	<b>4.088.061.940</b>	<b>4.436.804.707</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.625.381.839	60.164.664.795	4.870.936.256	1.455.639.737	81.116.622.627
Mua trong năm	-	1.000.055.909	-	-	1.000.055.909
Thanh lý	-	(4.764.638.745)	-	-	(4.764.638.745)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.625.381.839</b>	<b>56.400.081.959</b>	<b>4.870.936.256</b>	<b>1.455.639.737</b>	<b>77.352.039.791</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.809.213.442	26.285.251.132	2.164.337.165	1.251.679.507	31.510.481.246
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	8.057.934.900	42.580.844.176	3.109.612.970	1.336.761.931	55.085.153.977
Khấu hao trong năm	293.557.794	1.625.162.588	300.278.418	21.246.014	2.240.244.814
Thanh lý, nhượng bán		(2.401.796.133)			(2.401.796.133)
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.351.492.694</b>	<b>41.804.210.631</b>	<b>3.409.891.388</b>	<b>1.358.007.945</b>	<b>54.923.602.658</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	6.567.446.939	17.583.820.619	1.761.323.286	118.877.806	26.031.468.650
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.273.889.145</b>	<b>14.595.871.328</b>	<b>1.461.044.868</b>	<b>97.631.792</b>	<b>22.428.437.133</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 5.591.117.354 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.19).

#### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.850.000.000	43.298.147	2.806.701.853
Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	94.999.998	94.999.998
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.850.000.000</b>	<b>138.298.145</b>	<b>2.711.701.855</b>

#### 12. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	360.430.800	352.214.131	8.216.669
Khấu hao trong kỳ	-	2.899.998	2.899.998
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>360.430.800</b>	<b>355.114.129</b>	<b>5.316.671</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	312.290.800	-	-
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

#### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	18.186.288	53.900.000	(72.086.288)	-
Mua sắm TSCĐ	-	62.077.200	-	62.077.200
Sửa chữa TSCĐ	-	417.241.279	(11.260.575)	405.980.704
<b>Cộng</b>	<b>18.186.288</b>	<b>533.218.479</b>	<b>(83.346.863)</b>	<b>468.057.904</b>

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>17.685.846.445</i>	<i>6.020.614.962</i>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	17.685.846.445	6.020.614.962



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>38.419.095.111</i>	<i>37.820.047.030</i>
<b>Cộng</b>	<b>56.104.941.556</b>	<b>43.840.661.992</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.871.984.880	-	-	(3.050.000.000)	821.984.880	-
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	999.388.399	(867.833.951)	131.554.448	-
Thuế thu nhập cá nhân	414.309.400	18.151.146	837.236.908	(1.172.045.346)	72.814.000	11.464.184
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.286.294.280</b>	<b>18.151.146</b>	<b>1.843.625.307</b>	<b>(5.103.084.332)</b>	<b>1.026.353.328</b>	<b>11.464.184</b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, các công ty trong Tập đoàn được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% đối với thu nhập từ chế biến thủy sản.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

***Các loại thuế khác***

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

**16. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả	4.916.874.047	4.071.076.882
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	978.111.746	65.609.359



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ <u>5.894.985.793</u>	Số đầu năm <u>4.136.686.241</u>
<b>18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác</b>		
<b>18a. Phải trả ngắn hạn khác</b>		
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>275.815.000</i>	<i>168.467.000</i>
Các thành viên Hội đồng quản trị	244.782.000	137.434.000
- Chi phí lãi vay phải trả	244.782.000	137.434.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu - Chi phí lãi vay phải trả	31.033.000	31.033.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>3.173.355.064</i>	<i>636.691.255</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	2.976.012.687	322.549.790
Cổ tức phải trả	172.456.000	172.741.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	24.886.377	98.920.099
<b>Cộng</b>	<b><u>3.449.170.064</u></b>	<b><u>805.158.255</u></b>

**18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>8.000.000.000</i>	<i>14.000.000.000</i>
Vay Bà Nguyễn Minh Nguyệt <sup>(i)</sup>	8.000.000.000	14.000.000.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>187.327.038.248</i>	<i>195.920.905.695</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	186.368.038.240	194.342.622.515
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 6 <sup>(ii)</sup>	69.163.877.796	64.564.356.279
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	55.602.118.554	55.424.489.522
Vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(iv)</sup>	-	22.953.631.770
Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú <sup>(v)</sup>	52.300.965.564	41.915.471.544
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh <sup>(vi)</sup>	9.301.076.326	9.484.673.400
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	227.500.000	846.783.172
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	731.500.008	731.500.008
<b>Cộng</b>	<b><u>195.327.038.248</u></b>	<b><u>209.920.905.695</u></b>

- <sup>(i)</sup> Vay không có tài sản đảm bảo Bà Nguyễn Minh Nguyệt để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 70.000.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền tiết kiệm (xem thuyết minh số V.2a), tài sản cố định (xem thuyết minh số V.10), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited (xem thuyết minh số V.3).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại, hạn mức vay 57.000.000.000 VND và 500.000,00 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.10), hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và toàn bộ quyền phát sinh thuộc sở hữu của Tập đoàn từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Woolworths International và Trangs Food Pty Ltd (xem thuyết minh số V.3).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 3.000.000,00 USD với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2) và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, hạn mức vay 10.000.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2a).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Tăng/(giảm) khác (*)	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	194.342.622.515	213.417.094.094	-	810.994.005	(222.202.672.374)	186.368.038.240
Vay ngắn hạn cá nhân	14.000.000.000	3.000.000.000	-	-	(9.000.000.000)	8.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	846.783.172	-	160.000.000	-	(779.283.172)	227.500.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	731.500.008	-	365.750.004	-	(365.750.004)	731.500.008
<b>Cộng</b>	<b>209.920.905.695</b>	<b>216.417.094.094</b>	<b>525.750.004</b>	<b>810.994.005</b>	<b>(232.347.705.550)</b>	<b>195.327.038.248</b>

(\*) Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư của các khoản vay có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm.

#### 19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	560.000.000	754.000.008
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	560.000.000	754.000.008
Nợ thuê tài chính	975.333.320	1.341.083.324
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease <sup>(iii)</sup>	975.333.320	1.341.083.324



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	Số cuối kỳ 1.535.333.320	Số đầu năm 2.095.083.332
(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia ( Xem thuyết minh V.10).		
(iii) Tập đoàn thuê tài chính Công ty TNHH MTV Quốc tế Chailease theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:		
• Hợp đồng thuê tài chính số B190730202 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.		
• Hợp đồng thuê tài chính số B190727302 ngày 31 tháng 7 năm 2019, lãi suất 9,1%/năm, thời hạn thuê 3 năm.		

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
<b>Số cuối năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	787.500.000	227.500.000	560.000.000
Nợ thuê tài chính	1.706.833.328	731.500.008	975.333.320
<b>Cộng</b>	<b>2.494.333.328</b>	<b>959.000.008</b>	<b>1.535.333.320</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	1.600.783.180	846.783.172	754.000.008
Nợ thuê tài chính	2.072.583.332	731.500.008	1.341.083.324
<b>Cộng</b>	<b>3.673.366.512</b>	<b>1.578.283.180</b>	<b>2.095.083.332</b>

#### 19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

#### 20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.628.183.430	2.250.321.644
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	457.385.702	2.144.309.463
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.085.569.132</b>	<b>4.394.631.107</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15%.

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	28.086.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	62.739.940.000	62.739.940.000
<b>Cộng</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>168.299.940.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông David Ho	38.600.000.000	22,94	38.600.000.000	-
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17,16	28.874.000.000	-
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	28.086.000.000	16,69	28.086.000.000	-
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5,94	10.000.000.000	-
Các cổ đông khác	62.739.940.000	37,27	62.739.940.000	-
<b>Cộng</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>100,00</b>	<b>168.299.940.000</b>	<b>-</b>

**21c. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ/TFC ngày 30 tháng 6 năm 2020 với số tiền là 326.958.566 VND.

Ngoài ra, Công ty cũng đã trích thù lao của Hội đồng quản trị 06 tháng đầu năm 2020 từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 168.000.000 VND.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất***Ngoại tệ các loại*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	430.564,68	810.122,29
Bảng Anh (GBP)	108,34	108,34



**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Euro (EUR)	4,89	4,89
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT</b>		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
	<b>Quý 2/2020</b>	<b>Quý 2/2019</b>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	107.366.856.354	91.349.412.345
<b>Cộng</b>	<b>107.366.856.354</b>	<b>91.349.412.345</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại.		
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Quý 2/2020</b>	<b>Quý 2/2019</b>
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	93.219.678.270	75.375.694.743
<b>Cộng</b>	<b>93.219.678.270</b>	<b>73.375.694.743</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Quý 2/2020</b>	<b>Quý 2/2019</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	78.939.183	112.378.851
Lãi tiền cho vay	1.630.499.000	11.375.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	476.558.337	362.566.957
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	43.145.920	-
<b>Cộng</b>	<b>2.229.142.440</b>	<b>486.320.808</b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<b>Quý 2/2020</b>	<b>Quý 2/2019</b>
Chi phí lãi vay	2.118.747.386	4.084.842.232
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	812.177.151	285.334.345
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	40.239.612	172.424.868
<b>Cộng</b>	<b>2.971.164.149</b>	<b>4.542.601.445</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<b>Quý 2/2020</b>	<b>Quý 2/2019</b>
Chi phí cho nhân viên	760.157.681	702.004.358
Chi phí vật liệu, bao bì	206.701.735	488.489.512
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.654.994	42.306.954
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.500.096	2.487.108
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.428.990.815	1.171.762.312

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quý 2/2020	Quý 2/2019
Các chi phí khác	1.248.986.140	1.042.720.657
<b>Cộng</b>	<b>4.666.991.461</b>	<b>3.449.770.901</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Quý 2/2020	Quý 2/2019
Chi phí cho nhân viên	6.290.129.425	5.589.608.009
Chi phí đồ dùng văn phòng	371.051.850	392.766.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.432.460	513.836.071
Thuế, phí và lệ phí	150.485.491	159.683.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	501.652.462	645.174.284
Các chi phí khác	1.471.533.671	3.133.046.533
<b>Cộng</b>	<b>9.035.285.359</b>	<b>10.434.115.283</b>
<b>8. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	Quý 2/2020	Quý 2/2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(947.891.207)	(3.256.927.326)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	(84.000.000)	(112.200.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.031.891.207)	(3.369.127.326)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.829.994	16.829.994
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(61)</b>	<b>(200)</b>
<b>8b. Thông tin khác</b>		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất.		
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	Quý 2/2020	Quý 2/2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.576.612.881	69.747.446.075
Chi phí nhân công	21.551.918.625	23.332.333.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.047.727.718	3.423.849.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.616.866.148	6.389.494.883
Chi phí khác	5.198.362.747	3.198.381.611
<b>Cộng</b>	<b>107.991.488.119</b>	<b>106.091.515.715</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**



## CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ II NĂM 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan:

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan:

	<u>Quý 2/2020</u>	<u>Quý 2/2019</u>
Chi phí lãi vay	382.999.000	154.000.000

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.6a, V.18a và V.19a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng chi phí trong năm là 1.104.900.000 VND (cùng kỳ năm trước là 1.232.682.000 VND).

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.14.

### 2. **Thông tin về bộ phận**

Tập đoàn chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Tập đoàn là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Tập đoàn không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

### 3. **Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2020



Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
Người lập



Lê Thị Tường Hạnh  
Kế toán trưởng



Trương Văn Quang  
Tổng Giám đốc



# **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG**

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước (01.01.2019)	168,299,940,000	17,173,652,728	7,166,203,454	12,470,607,929	205,110,404,111
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(10,962,631,909)	(2,622,619,849)	(13,585,251,758)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	(358,310,202)	-	(358,310,202)
Trích thường Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát trong kỳ	-	-	(224,400,000)	-	(224,400,000)
<b>Số dư cuối kỳ trước (30.06.2019)</b>	<b>168,299,940,000</b>	<b>17,173,652,728</b>	<b>(4,379,138,657)</b>	<b>9,847,988,080</b>	<b>190,942,442,151</b>
Số dư đầu năm nay (01.01.2020)	168,299,940,000	17,173,652,728	22,589,780,841	276,412,197	208,339,785,766
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(5,578,481,503)	(226,913,809)	(5,805,395,312)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	(326,958,565)	-	(326,958,565)
Trích thường Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát trong kỳ	-	-	(168,000,000)	-	(168,000,000)
<b>Số dư cuối kỳ này (30.06.2020)</b>	<b>168,299,940,000</b>	<b>17,173,652,728</b>	<b>16,516,340,773</b>	<b>49,498,388</b>	<b>202,039,431,889</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2020



Nguyễn Thị Mỹ Nhung  
 Người lập

Lê Thị Tường Hạnh  
 Kế toán trưởng

Trương Văn Quang  
 Tổng Giám đốc